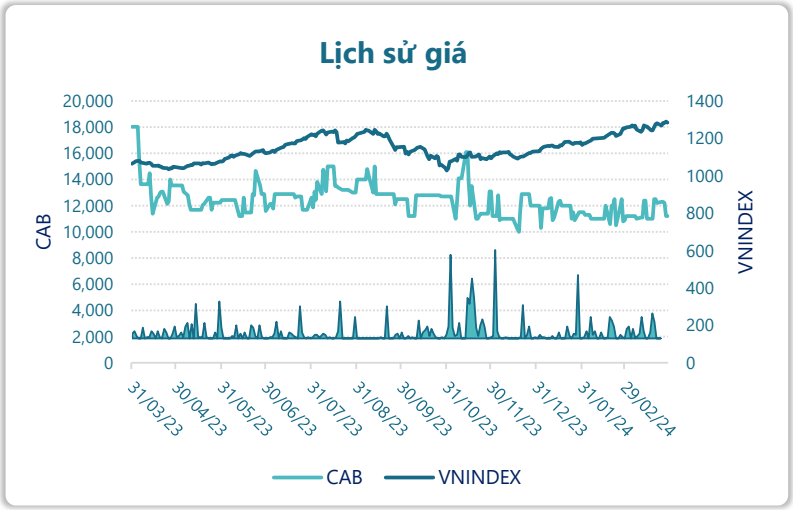
FireAnt

CTCP Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam (UPCOM: CAB)



Thông tin giao dịch	31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**11,200**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	18,030
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,000
SL cổ phiếu LH	45,745,876
KLGD BQ 20 phiên (CP)	285
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	512
P/E	71.4
EPS	157

DT thuần

Q1/24

429

tỷ VNĐ

QoQ: ▼214| -33.3%

YoY: ▼57.0| -11.7%

LN sau thuế

Q1/24

0.87

tỷ VNĐ

QoQ: ▼27.3| -96.9%

YoY: ▲ 0.71| 447%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

1.4%

+/- YoY: ▼ 2.6%

DT thuần

2023

2,170

tỷ VNĐ

YoY: ▼231| -9.6%

LN sau thuế

2023

9.69

tỷ VNĐ

YoY: ▼51.6| -84.2%

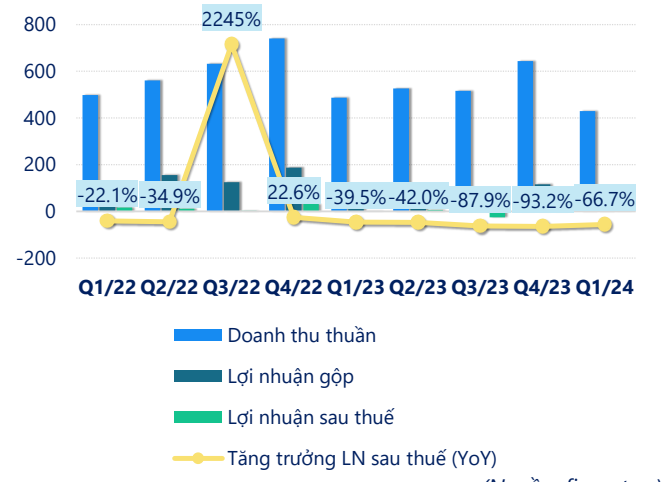
ROE

2023

1.9%

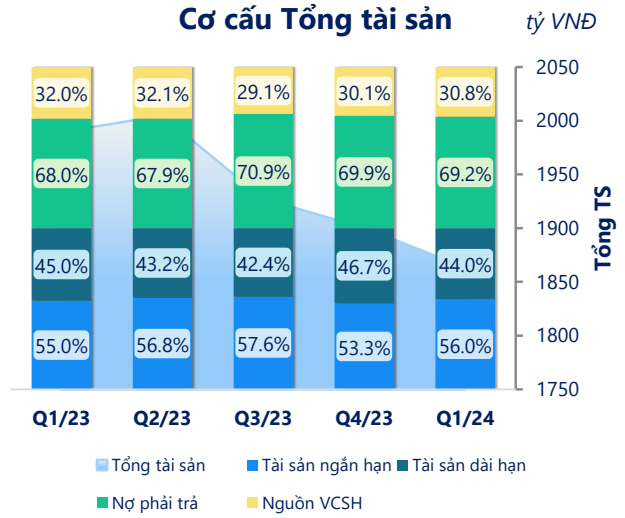
+/- YoY: ▼ 7.3%

Kết quả kinh doanh



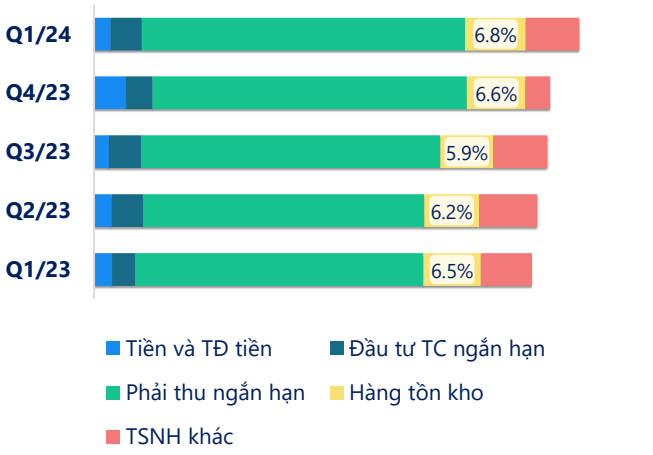
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



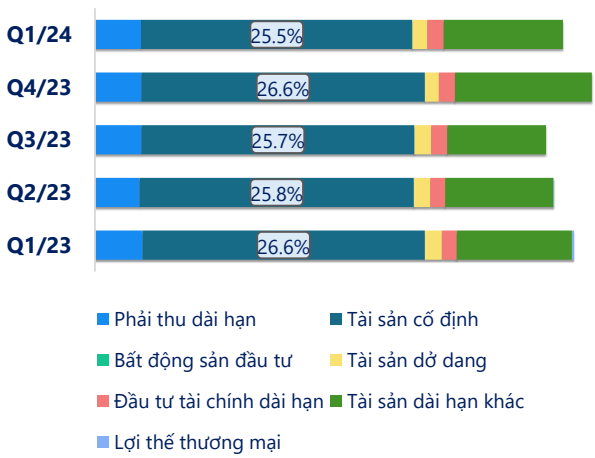
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



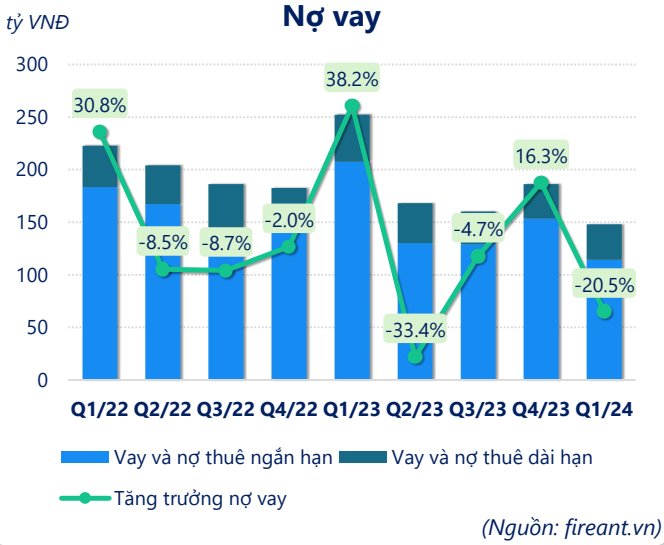
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



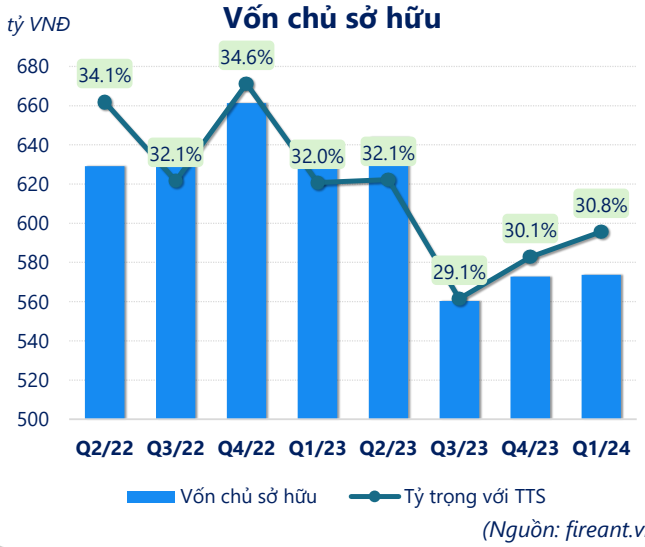
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



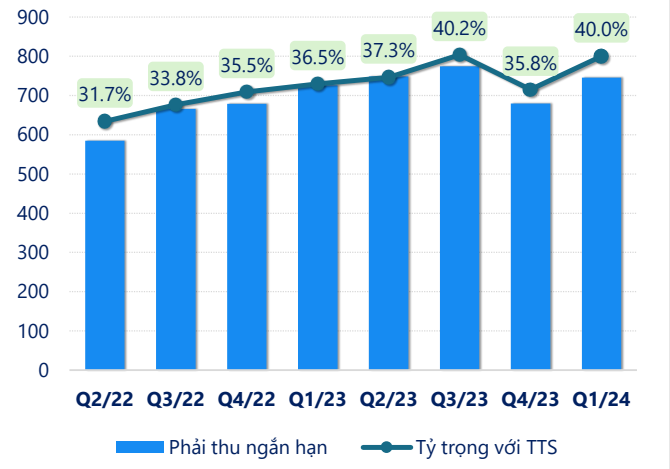
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



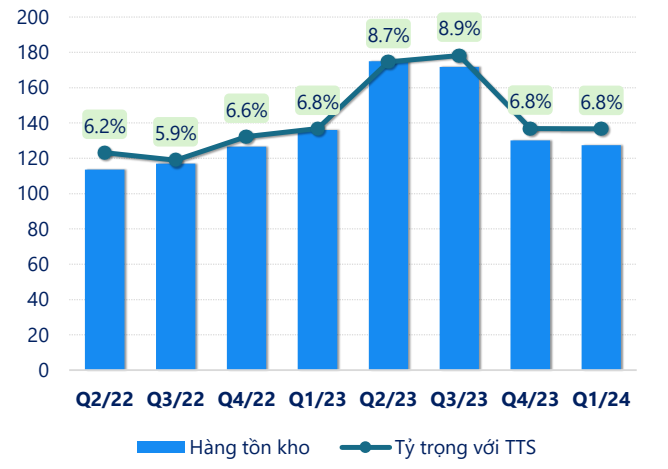
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



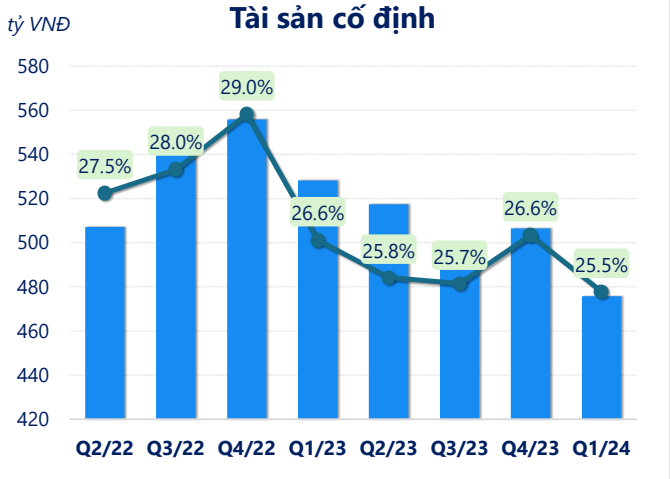
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



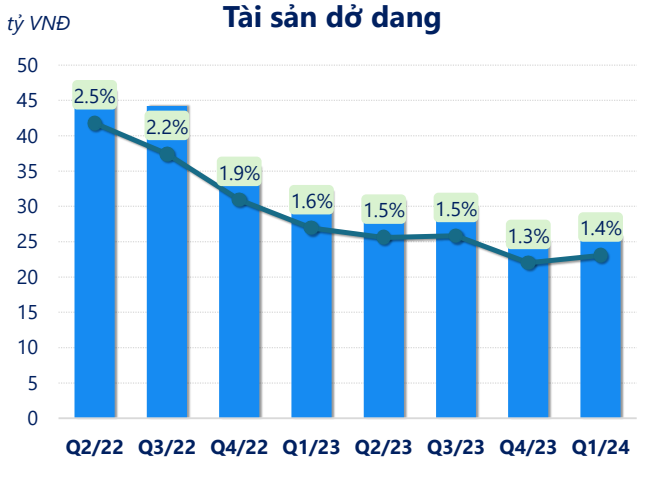
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



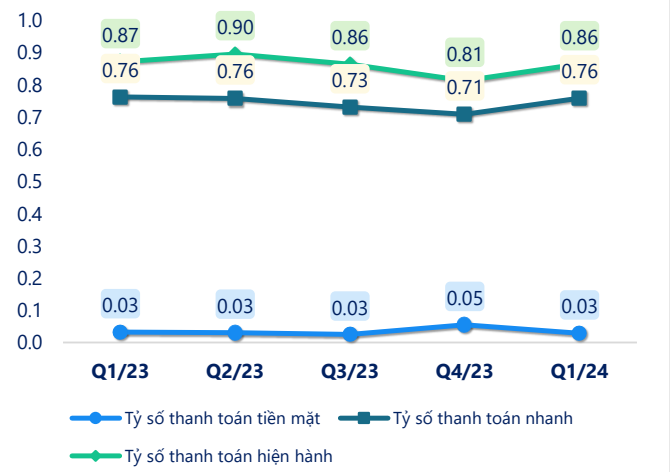
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



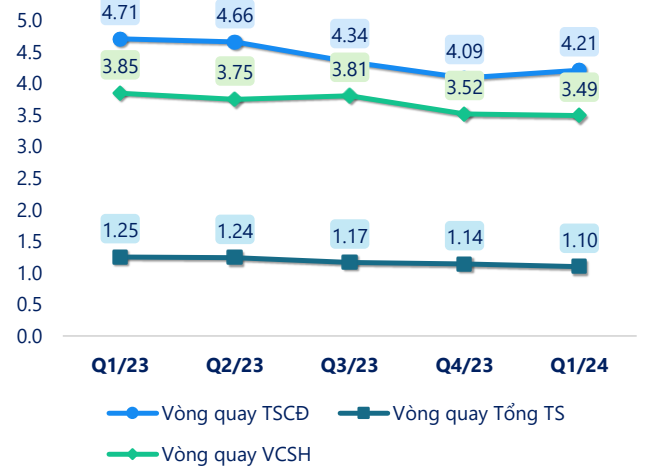
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	**1,989**	**2,005**	**1,927**	**1,900**	**1,863**
Tài sản ngắn hạn	**1,093**	**1,140**	**1,110**	**1,013**	**1,043**
Tiền và tương đương tiền	40.7	39.3	32.2	68.5	34.4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	70.5	73.5	61.8	62.5	63.5
Phải thu ngắn hạn	726	748	775	680	745
Hàng tồn kho	136	175	172	130	127
Tài sản ngắn hạn khác	121	104	69.9	72.2	72.7
Tài sản dài hạn	**896**	**865**	**817**	**888**	**820**
Phải thu dài hạn	88.7	83.9	84.1	82.9	80.6
Tài sản cố định	528	517	495	506	476
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	32.1	30.8	29.9	25.1	25.8
Đầu tư tài chính dài hạn	27.8	27.8	29.2	28.8	28.6
Tài sản dài hạn khác	215	204	179	244	209
Lợi thế thương mại	3.77	0.94	0	0	0
Nợ phải trả	**1,352**	**1,361**	**1,367**	**1,328**	**1,290**
Nợ ngắn hạn	**1,255**	**1,272**	**1,284**	**1,246**	**1,207**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	207	130	129	153	114
Phải trả người bán ngắn hạn	502	616	606	609	594
Nợ dài hạn	96.8	88.8	82.7	81.8	82.7
Vay và nợ thuê dài hạn	44.7	37.9	31.2	32.8	33.8
Nguồn vốn chủ sở hữu	**637**	**644**	**560**	**573**	**574**
Vốn chủ sở hữu	**637**	**644**	**560**	**573**	**574**
Vốn điều lệ	457	457	457	457	457
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)